

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức các lớp học phân có số lượng đăng ký dưới 10 sinh viên

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy và số lượng sinh viên đăng ký tín chỉ học kỳ 2, năm học 2023 - 2024, Hiệu trưởng cho phép tổ chức các lớp học phân có số lượng đăng ký **dưới 10 sinh viên** (các học phần khóa luận tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp, lớp có số lượng sinh viên ít) như sau:

STT	Khoa	Lớp	Tên học phần	Số lượng đăng ký	Số lượng SV Lớp
1	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K18 A1 (93)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/6.0)©	0	93
2	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K18 A2 (96)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/6.0)©	2	96
3	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K18 A3 (94)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/6.0)©	0	94
4	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K18B (76)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/6.0)©	0	76
5	KHOA Y DƯỢC	Y khoa K18 A4 (94)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/6.0)©	1	94
6	KHOA Y DƯỢC	Điều dưỡng K20 (48)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	5	48
7	KHOA Y DƯỢC	Kỹ thuật xét nghiệm y học K20 (61)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)	1	61
8	KHOA NÔNG LÂM	QL tài nguyên rừng K17 (2)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	1	2
9	KHOA NÔNG LÂM	Bảo vệ thực vật K19 (10)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	3	10
10	KHOA NÔNG LÂM	Khoa học cây trồng K19 (7)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	3	7
11	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K19 (0)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	0
12	KHOA NÔNG LÂM	Quản lý đất đai K19 (6)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	6
13	KHOA NÔNG LÂM	Công nghệ thực phẩm K19 (1)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	1	1
14	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K21 (2)	Thống kê ứng dụng (1.5/0.5)	2	2
15	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K21 (2)	Tin học thống kê trong lâm nghiệp (1.0/1.0)	2	2
16	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K21 (2)	Lâm nghiệp xã hội (2.0/0.0)	2	2
17	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K21 (2)	Luật và chính sách lâm nghiệp (3.0/0.0)	2	2
18	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K21 (2)	TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài rừng	2	2
19	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K21 (2)	Lâm sản ngoài gỗ (1.5/0.5)	2	2
20	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K22 (6)	Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp (1.5/0.5)	6	6
21	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K22 (6)	Cây rừng (2.5/0.5)	6	6
22	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K22 (6)	TTGTCây rừng, kỹ thuật lâm sinh (0.0/2.0)	6	6

23	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K22 (6)	TTGT Bản đồ và viễn thám lâm nghiệp (0.0/	6	6
24	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K22 (6)	Viễn thám và GIS đại cương (1.5/0.5)	6	6
25	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K22 (6)	Kỹ thuật lâm sinh (1.5/0.5)	6	6
26	KHOA NÔNG LÂM	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt trong công	5	7
27	KHOA NÔNG LÂM	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Quá trình và thiết bị truyền khối trong công n	9	7
28	KHOA NÔNG LÂM	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	TTGT Quá trình và thiết bị công nghệ thực p	7	7
29	KHOA NÔNG LÂM	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Thực hành vi sinh vật thực phẩm (0.0/1.0)	6	7
30	KHOA NÔNG LÂM	Công nghệ thực phẩm K22 (7)	Vi sinh thực phẩm (4.0/0.0)	6	7
31	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K23 (7)	Sinh thái môi trường (2.0/0.0)	8	7
32	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K23 (7)	Khí tượng thủy văn rừng (1.5/0.5)	6	7
33	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K23 (7)	Công tác quốc phòng - An ninh (2.0/0.0)	5	7
34	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K23 (7)	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng C	5	7
35	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K23 (7)	Quân sự chung (0.7/0.3)	5	7
36	KHOA NÔNG LÂM	Lâm sinh K23 (7)	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (0.	5	7
37	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K17 (14)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	14
38	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K18 (19)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	19
39	KHOA KINH TẾ	Kinh doanh thương mại K18 (6)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	6
40	KHOA KINH TẾ	Quản trị kinh doanh K19C (15)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	15
41	KHOA KINH TẾ	Kế toán-Kiểm toán K19 (10)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	10
42	KHOA KINH TẾ	Tài chính-Ngân hàng K19 (11)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	11
43	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K19 (28)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	28
44	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K20 (3)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	3
45	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K20 (3)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	1	3
46	KHOA KINH TẾ	Quản trị kinh doanh K20B (36)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	7	36
47	KHOA KINH TẾ	Kế toán-Kiểm toán K20 (45)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	8	45
48	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K20A (45)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	8	45
49	KHOA KINH TẾ	Kinh tế K20B (36)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	5	36
50	KHOA KINH TẾ	Kinh doanh thương mại K20 (38)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	5	38
51	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K20 (9)	Kinh tế đầu tư (2.0/0.0)©	5	9
52	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K20 (9)	Dự án kinh tế phát triển (2.0/0.0)©	5	9
53	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K20 (9)	Hệ thống tài khoản quốc gia (2.0/0.0)©	5	9
54	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K20 (9)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	1	9

55	KHOA KINH TẾ	Kinh tế phát triển K20 (9)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	4	9
56	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K21 (14)	Xây dựng dự án phát triển nông thôn (2.0/0.0)	9	14
57	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K21 (14)	Thị trường nông sản (2.0/0.0)	9	14
58	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K21 (14)	Phát triển nông thôn (2.0/0.0)	9	14
59	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K21 (14)	Lâm nghiệp xã hội (2.0/0.0)©	9	14
60	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K21 (14)	Kinh tế đất (1.5/0.5)©	9	14
61	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K22 (10)	Kinh tế vĩ mô 2 (2.0/0.0)	7	10
62	KHOA KINH TẾ	Kinh tế nông nghiệp K22 (10)	Kinh tế vi mô 2 (2.0/0.0)	7	10
63	KHOA SƯ PHẠM	Văn học-Ngôn ngữ K19 (8)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	1	8
64	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục tiểu học K19 (13)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	1	13
65	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục mầm non K19 (3)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	2	3
66	KHOA SƯ PHẠM	Sư phạm Ngữ văn K20 (25)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	7	25
67	KHOA SƯ PHẠM	Sư phạm Ngữ văn K20 (25)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	7	25
68	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục thể chất K20 (25)	Chuyên đề tốt nghiệp (3.0/0.0)	0	25
69	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K20 (10)	Cơ sở Ngôn ngữ và tiếng Việt (3.0/0.0)	6	10
70	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K20 (10)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)	5	10
71	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K20 (10)	Văn học dân gian (3.0/0.0)	7	10
72	KHOA SƯ PHẠM	Văn học K20 (10)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)	2	10
73	KHOA SƯ PHẠM	Giáo dục tiểu học-Tiếng Jrai K20	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)	6	26
74	KHOA LLCT	Giáo dục chính trị K19 (3)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	1	3
75	KHOA LLCT	Giáo dục chính trị K20 (12)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	6	12
76	KHOA LLCT	Giáo dục chính trị K20 (12)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	2	12
77	KHOA LLCT	Giáo dục chính trị K20 (12)	Giai cấp và nhà nước (1.0/0.0)©	6	12
78	KHOA LLCT	Giáo dục chính trị K20 (12)	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội (1.0/0.0)	5	12
79	KHOA LLCT	Giáo dục chính trị K20 (12)	Chủ nghĩa tư bản hiện đại (1.0/0.0)©	6	12
80	KHOA LLCT	Triết học K20 (2)	Triết học chính trị (2.0/0.0)©	1	2
81	KHOA LLCT	Triết học K20 (2)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	1	2
82	KHOA LLCT	Triết học K20 (2)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	2
83	KHOA LLCT	Triết học K20 (2)	Thực tập cuối khóa (0.0/4.0)	2	2
84	KHOA LLCT	Triết học K20 (2)	Toàn cầu hóa dưới góc nhìn triết học (2.0/0.0)	1	2
85	KHOA LLCT	Triết học K21 (11)	Triết học phương Tây hiện đại (2.0/0.0)	9	11
86	KHOA LLCT	Triết học K21 (11)	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh (2.0/0.0)	9	11

87	KHOA LLCT	Triết học K21 (11)	Lịch sử phép biện chứng Mác-xít (3.0/0.0)	9	11
88	KHOA LLCT	Triết học K22 (12)	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam (2.0/0.0)	6	12
89	KHOA LLCT	Triết học K22 (12)	Lịch sử triết học Trung Quốc cổ - Trung đại	6	12
90	KHOA LLCT	Triết học K22 (12)	Lịch sử triết học Ấn Độ cổ - Trung đại (3.0/0.0)	6	12
91	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K17A (12)	Chuyên đề tốt nghiệp (4.0/0.0)©	2	12
92	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K18 (9)	Chuyên đề tốt nghiệp (3.0/0.0)©	1	9
93	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K18 (16)	Chuyên đề tốt nghiệp (4.0/0.0)©	2	16
94	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K19 (8)	Chuyên đề tốt nghiệp (3.0/0.0)©	3	8
95	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K19A (17)	Chuyên đề tốt nghiệp (4.0/0.0)©	3	17
96	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K19B (23)	Chuyên đề tốt nghiệp (4.0/0.0)©	0	23
97	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K20A (51)	Khóa luận tốt nghiệp (7.0/0.0)©	0	51
98	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K20A (51)	Chuyên đề tốt nghiệp (3.0/0.0)©	1	51
99	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K20B (47)	Khóa luận tốt nghiệp (7.0/0.0)©	0	47
100	KHOA NGOẠI NGỮ	Sư phạm Tiếng Anh K20B (47)	Chuyên đề tốt nghiệp (3.0/0.0)©	1	47
101	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K20A (51)	Chuyên đề tốt nghiệp (4.0/0.0)©	0	51
102	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K20A (51)	Khóa luận tốt nghiệp (10.0/0.0)©	0	51
103	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K20B (42)	Chuyên đề tốt nghiệp (4.0/0.0)©	0	42
104	KHOA NGOẠI NGỮ	Ngôn ngữ Anh K20B (42)	Khóa luận tốt nghiệp (10.0/0.0)©	0	42
105	KHOA CNTY	Thú y K19 (56)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	2	56
106	KHOA CNTY	Thú y K19 (56)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	0	56
107	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K21 (3)	Bệnh Nội khoa Thú y 1 (1.5/0.5)	4	3
108	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K21 (3)	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (1.5/0.5)	2	3
109	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K21 (3)	Thiết kế thí nghiệm (1.5/0.5)	3	3
110	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K22 (8)	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi (1.5/0.5)	8	8
111	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K22 (8)	Vi sinh vật chăn nuôi (1.5/0.5)	8	8
112	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K22 (8)	Chăn nuôi Trâu bò (3.5/0.5)	6	8
113	KHOA CNTY	Chăn nuôi-Thú y K22 (8)	Công nghệ sinh sản (2.5/0.5)	8	8
114	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Toán học K20 (39)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	6	39
115	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Toán học K20 (39)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	6	39
116	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K20 (5)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	2	5
117	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K20 (5)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	0	5
118	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Vật lý K20 (5)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	2	5

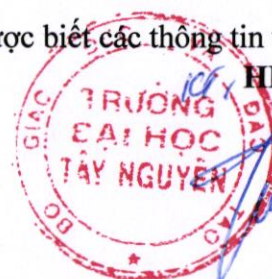
119	KHOA KHTN&CN	Công nghệ thông tin K20 (57)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	0	57
120	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K20 (5)	Thực tập sư phạm (0.0/5.0)	4	5
121	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K20 (5)	Hóa học lập thể (2.0/0.0)©	2	5
122	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K20 (5)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/7.0)©	1	5
123	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K20 (5)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/3.0)©	1	5
124	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Hóa học K20 (5)	Hợp chất dị vòng (2.0/0.0)©	2	5
125	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K20 (6)	Chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ tron	4	6
126	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K20 (6)	Nuôi cấy tế bào động vật (2.0/0.0)©	6	6
127	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K20 (6)	Vi sinh môi trường (2.0/0.0)©	3	6
128	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K20 (6)	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	1	6
129	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K20 (6)	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	2	6
130	KHOA KHTN&CN	Công nghệ kỹ thuật môi trường K	Luật và chính sách môi trường (2.0/0.0)©	1	2
131	KHOA KHTN&CN	Công nghệ kỹ thuật môi trường K	Sản xuất sạch hơn (2.0/0.0)©	1	2
132	KHOA KHTN&CN	Công nghệ kỹ thuật môi trường K	Chuyên đề tốt nghiệp (0.0/4.0)©	0	2
133	KHOA KHTN&CN	Công nghệ kỹ thuật môi trường K	Khóa luận tốt nghiệp (0.0/10.0)©	1	2
134	KHOA KHTN&CN	Công nghệ kỹ thuật môi trường K	Ứng dụng viễn thám, GIS (1.5/0.5)©	1	2
135	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K21 (9)	Phân loại thực vật (1.5/0.5)	9	9
136	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K21 (9)	Sinh lý người và động vật (2.5/0.5)	9	9
137	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K21 (9)	Thí nghiệm sinh học phổ thông (0.0/1.0)	9	9
138	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K21 (9)	Bảo tồn thiên nhiên (1.0/1.0)©	9	9
139	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K21 (9)	Thực hành phương pháp dạy học sinh học (0.	9	9
140	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K21 (9)	Kĩ thuật dạy học sinh học (1.0/1.0)©	9	9
141	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K21 (9)	Khoa học môi trường (2.0/0.0)	7	9
142	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K21 (9)	Nông nghiệp hữu cơ (2.0/0.0)	8	9
143	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K21 (9)	Thiết kế thí nghiệm và xử lý thống kê (1.5/0.	7	9
144	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K21 (9)	Công nghệ enzyme (1.0/1.0)	9	9
145	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K21 (9)	Công nghệ sinh học thực vật (2.0/0.0)	7	9
146	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Thực tập thiên nhiên (0.0/1.0)	9	9
147	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Hóa sinh (2.5/0.5)	9	9
148	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Vi sinh vật (2.5/0.5)	9	9
149	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Kỹ thuật di truyền (1.5/0.5)©	9	9
150	KHOA KHTN&CN	Sư phạm Sinh học K22 (9)	Năm học và ứng dụng (1.0/1.0)©	9	9

151	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (8)	Thực hành sinh học phân tử (0.0/1.0)	4	8
152	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (8)	An toàn sinh học và đạo đức trong sinh học (	5	8
153	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (8)	Sinh học phân tử (2.0/0.0)	4	8
154	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (8)	Sinh lý động vật (2.0/1.0)	4	8
155	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K22 (8)	Công nghệ sinh học (2.0/0.0)	5	8
156	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23 (9)	Sinh lý thực vật (2.5/0.5)	9	9
157	KHOA KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23 (9)	Vi sinh vật (2.0/1.0)	9	9

Yêu cầu Trường các khoa thông báo cho các giảng viên, cố vấn học tập và sinh viên được biết các thông tin trên.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Phòng TT & TVTS (đưa lên website);
- Lưu: VT, ĐT



HIỆU TRƯỞNG

PHO HIỆU TRƯỞNG
PGS-TS. Nguyễn Văn Nam